處處爲您著想……
上海商業儲蓄銀行
THE SHANGHAI COMMERCIAL & SAVINGS BANK, LTD.

THE SHANGHAI COMMERCIAL & SAVINGS BANK, LTD
DONG NAI BRANCH
CHARGES SCHEDULE - BIỂU PHÍ

Effective from Oct. 05, 2026
Maintained by Dong Nai Branch.

Types of Services	Charges	*Loại dịch vụ*	*Phí*
Deposit and Withdrawal		***Nộp tiền mặt và Rút tiền mặt***	
Account opening	Free	*Mở tài khoản*	*Miễn phí*
*VND cash deposit/withdrawal	Deposit: 0.1% of transaction amount (min. VND20,000) Withdrawal: 0.01% of transaction amount (min. VND20,000)	**Nộp tiền mặt/Rút tiền mặt (VND)*	*Nộp tiền mặt: 0.1% giá trị giao dịch (tối thiểu VND20,000)* *Rút tiền mặt: 0.01% giá trị giao dịch (tối thiểu VND20,000)*
*USD cash withdrawal	0.2% of transaction amount (min. equivalent to USD2 in VND by the bank's average exchange rate)	**Rút tiền mặt (USD)*	*0.2% giá trị giao dịch (tối thiểu tương đương 2 USD quy đổi theo tỉ giá trung bình của ngân hàng)*
*Certificate of account balance - Audit Confirmation - Certificate of Credit	Equivalent to USD5 in VND by the bank's average exchange rate	**Xác nhận số dư tài khoản* *- Xác nhận kiểm toán* *- Xác nhận tín dụng*	*Tương đương 5 USD quy đổi theo tỉ giá trung bình của ngân hàng*
*Re-issuance of Debit/Credit advice - related receipts - monthly account statement	- Within 03 months (included): Free - 03 months ~ 01 year (included): Equivalent to USD2 in VND by the bank's average exchange rate per copy - 01 years ~ 02 years (included): Equivalent to USD3 in VND by the bank's average exchange rate per copy - Over 02 years : Equivalent to USD5 in VND by the bank's average exchange rate per copy	**Cấp lại bản sao chứng từ Báo nợ/Báo có* *- Các chứng từ liên quan khác* *- Sổ phụ hàng tháng*	*- Trong vòng 3 tháng: Miễn phí* *- Từ 3 tháng đến hết 1 năm: Tương đương 2 USD quy đổi theo tỉ giá trung bình của ngân hàng /bản* *- Từ 1 năm đến hết 2 năm: Tương đương 3 USD quy đổi theo tỉ giá trung bình của ngân hàng /bản* *- Trên 2 năm: Tương đương 5 USD quy đổi theo tỉ giá trung bình của ngân hàng /bản*
Confirmation Fee/per time	Postage: Domestic: USD10; Overseas: USD20; Courier: same as Outward Bills	*Phí xác nhận/lần*	*Bưu phí: Trong nước: 10 USD; Quốc tế: 20 USD* *Giao nhanh: Theo mức phí áp dụng đối với Thanh toán xuất khẩu*

Remittance		*Chuyển tiền*	
Domestic inward remittance	Free	Chuyển tiền đến trong nước	Miễn phí
Domestic outward remittance	Equivalent to USD2 in VND by the bank's average exchange rate	*Chuyển tiền đi trong nước*	*Tương đương 2 USD quy đổi theo tỉ giá trung bình của ngân hàng*
International inward reject	- Transaction amount less than USD100: Free - Transaction amount from USD100: USD 20	*Trung gian chuyển tiền từ nước ngoài về*	*- Giá trị giao dịch dưới 100 USD: Miễn phí* *- Giá trị giao dịch từ 100 USD: 20 USD*
International inward remittance	- Transaction amount less than USD100: Free - Transaction amount from USD100: 0.05% of transaction amount (min. USD 2, max. USD 100)	*Chuyển tiền đến từ nước ngoài*	*- Giá trị giao dịch dưới 100 USD: Miễn phí* *- Giá trị giao dịch từ 100 USD: 0.05% giá trị giao dịch (tối thiểu 2 USD, tối đa 100 USD)*
International outward remittance	0.15% of transaction amount (min. USD 10, max. USD 100) plus Cable USD 20 or USD 45 (full payment)	*Chuyển tiền đi nước ngoài*	*0.15% giá trị giao dịch (tối thiểu 10 USD, tối đa 100 USD) và điện phí 20 USD hoặc 45 USD (nếu người chuyển chịu toàn bộ phí)*

處處爲您著想……
上海商業儲蓄銀行
THE SHANGHAI COMMERCIAL & SAVINGS BANK, LTD.

THE SHANGHAI COMMERCIAL & SAVINGS BANK, LTD
DONG NAI BRANCH
CHARGES SCHEDULE - BIỂU PHÍ

Effective from Oct. 05, 2026
Maintained by Dong Nai Branch.

Inward Bills		*Thanh toán nhập khẩu*	
Under L/C		*Tín dụng chứng từ*	
Commercial L/C issuance	0.15% per month of transaction amount (min. USD 20) plus Cable USD 35	*Phát hành thư tín dụng*	*0.15%/tháng giá trị giao dịch (tối thiểu 20 USD) và điện phí 35 USD*
Back to back L/C issuance	0.15% per month of transaction amount (min. USD 30) plus Cable USD 35	*Phát hành thư tín dụng giáp lưng*	*0.15%/tháng giá trị giao dịch (tối thiểu 30 USD) và điện phí 35 USD*
Acceptance fee for SU L/C	0.1% per month of transaction amount (min. USD 20)	*Chấp nhận thanh toán thư tín dụng trả chậm*	*0.1%/tháng giá trị giao dịch (tối thiểu 20 USD)*
Guarantee on receipt of goods	USD 20	*Bảo lãnh nhận hàng*	*20 USD*
Bill of Lading Endorsement	USD 10	*Kí hậu vận đơn*	*10 USD*
Amendment (1) Amount increase/Expiry extension (2) Others	 (1) 0.1% per month of increasing/outstanding amount (min. USD 20) plus Cable USD 35 (2) USD 20 plus Cable USD 35	*Tu chỉnh* *(1) Tăng giá trị/Gia hạn* *(2) Tu chỉnh khác*	 *(1) 0.1%/tháng giá trị tăng/giá trị gia hạn (tối thiểu 20 USD) và điện phí 35 USD* *(2) 20 USD và điện phí 35 USD*
Documents examination fee	0.2% of transaction amount (min. USD 20, max. USD 100)	*Phí kiểm tra bộ chứng từ*	*0.2% giá trị bộ chứng từ (tối thiểu 20 USD, tối đa 100 USD)*
Discrepancy fee	USD 100	*Phí bất hợp lệ*	*100 USD*
Extra copy not presented	USD 20	*Không xuất trình bản sao bộ chứng từ*	*20 USD*
Not Under L/C		*Các phương thức thanh toán khác*	
D/P	0.2% of transaction amount (min. USD 10, max. USD 150) plus Cable USD 35	*Nhờ thu trả ngay D/P*	*0.2% giá trị bộ chứng từ (tối thiểu 10 USD, tối đa 150 USD) và điện phí 35 USD*
D/A	0.25% of transaction amount (USD 10, max. USD 150) plus Cable USD 35	*Nhờ thu trả chậm D/A*	*0.25% giá trị bộ chứng từ (tối thiểu 10 USD, tối đa 150 USD) và điện phí 35 USD*
O/A	0.2% of transaction amount (USD 10, max. USD 150) plus Cable USD 35 or USD 60 (full payment)	*Vay chuyển tiền thanh toán nước ngoài*	*0.2% giá trị giao dịch (tối thiểu 10 USD, tối đa 150 USD) và điện phí 35 USD hoặc 60 USD (nếu người chuyển chịu toàn bộ phí)*
Standby L/C		*Thư tín dụng dự phòng*	
Standby L/C/Guarantee issuance	0.5% of transaction amount (min. USD 25)/03 months or Subject to agreement (*) plus Postage USD 20 or Cable USD 35 (Period less than 03 months will be deemed 03 months)	*Phát hành thư tín dụng dự phòng*	*0.5% giá trị giao dịch/03 tháng (tối thiểu 25 USD) hoặc Theo thỏa thuận (*)* *và bưu phí 20 USD hoặc điện phí 35 USD* *(ít hơn 3 tháng sẽ được tính là 3 tháng)*
Amendment (1) Amount increase/Expiry extension (2) Others	(1)0.5% of transaction amount (min. USD 25)/03 months or Subject to agreement (*) plus Postage USD 20 or Cable USD 35 (Period less than 03 months will be deemed 03 months) (2)USD 25 plus Postage USD 20 or Cable USD 35	*Tu chỉnh* *(1) Tăng giá trị/Gia hạn* *(2) Tu chỉnh khác*	*(1)0.5% giá trị giao dịch/03 tháng (tối thiểu 25 USD) hoặc Theo thỏa thuận (*)* *và bưu phí 20 USD hoặc điện phí 35 USD* *(ít hơn 3 tháng sẽ được tính là 3 tháng)* *(2)25 USD và bưu phí 20 USD hoặc điện phí 35 USD*

處處爲您著想……
上海商業儲蓄銀行
THE SHANGHAI COMMERCIAL & SAVINGS BANK, LTD.

THE SHANGHAI COMMERCIAL & SAVINGS BANK, LTD
DONG NAI BRANCH
CHARGES SCHEDULE - BIỂU PHÍ

Effective from Oct. 05, 2026
Maintained by Dong Nai Branch.

Outward Bills		*Thanh toán xuất khẩu*	
Under L/C		***Tín dụng chứng từ***	
Commission	0.2% of transaction amount (min. USD 20)	*Phí kiểm tra bộ chứng từ*	*0.2% giá trị bộ chứng từ (tối thiểu 20 USD)*
Transit interest	12 days	*Lãi suất chuyển tiếp*	*12 ngày*
Discount interest	Definite maturity: Actual days Without definite maturity: Tenor of L/C	*Lãi suất chiết khấu*	*Ngày đáo hạn đã được xác định: số ngày thực tế* *Không có ngày đáo hạn xác định: theo kì hạn của L/C*
Courier fee	USD 70 (Mid-East area USD 100) plus fuel surcharge and other fees and surcharges are charged by courier company.	*Bưu phí*	*70 USD (khu vực Trung-Đông 100 USD), cộng phụ phí nhiên liệu và các khoản phí, phụ phí khác do công ty chuyển phát nhanh thu.*
Reimbursement fee	USD 20 plus Cable USD 35	*Phí bồi hoàn*	*20 USD và điện phí 35 USD*
Not Under L/C		***Các phương thức thanh toán khác***	
Documentary Collection (D/A, D/P)	0.2% of transaction amount (min. USD 20)	*Nhờ thu kèm chứng từ (D/A,D/P)*	*0.2% giá trị bộ chứng từ (tối thiểu 20 USD)*
Documentary Purchase (D/A, D/P)	0.2% of transaction amount (min. USD 20)	*Chiết khấu bộ chứng từ nhờ thu*	*0.2% giá trị bộ chứng từ (tối thiểu 20 USD)*
Transit interest	12 days	*Lãi suất chuyển tiếp*	*12 ngày*
Discount interest	Definite maturity: Actual days Without definite maturity: Terms of payment	*Lãi suất chiết khấu*	*Ngày đáo hạn đã được xác định: số ngày thực tế* *Không có ngày đáo hạn xác định: theo điều khoản thanh toán*
Courier fee	USD 70 (Mid-East area USD 100) plus fuel surcharge and other fees and surcharges are charged by courier company.	*Bưu phí*	*70 USD (khu vực Trung-Đông 100 USD), cộng phụ phí nhiên liệu và các khoản phí, phụ phí khác do công ty chuyển phát nhanh thu.*
Agent Comm. Remittance fee	Same as Remittance service	*Phí chuyển tiền hoa hồng đại lí*	*Như biểu phí chuyển tiền*
Advice of L/C		***Thông báo thư tín dụng***	
Advice of Master L/C	USD 25	*Thông báo thư tín dụng*	*25 USD*
Advice of L/C amendment/cancellation	USD 20	*Thông báo tu chỉnh/hủy thư tín dụng*	*20 USD*
Lost announcement of L/C	USD 200	*Thông báo thất lạc thư tín dụng*	*200 USD*
Credit Transfer		***Chuyển nhượng thư tín dụng***	
Credit transfer	USD 50 plus Cable USD 35	*Chuyển nhượng thư tín dụng*	*50 USD và điện phí 35 USD*
Credit transfer with substitution of documents (L/S)	Same as Inward Bills service under L/C	*Chuyển nhượng thư tín dụng có thay thế chứng từ*	*Như biểu phí trong thanh toán tín dụng chứng từ nhập khẩu*
Credit transfer with substitution of documents (L/S)-Amendment	Same as Inward Bills service under L/C	*Tu chỉnh chuyển nhượng thư tín dụng có thay thế chứng từ*	*Như biểu phí trong thanh toán tín dụng chứng từ nhập khẩu*
Assignment of proceeds	0.25% of transaction amount (min. USD 30) plus Cable USD 35	*Nhượng lại quyền lợi tài chính*	*0.25% giá trị giao dịch (tối thiểu 30 USD) và điện phí 35 USD*

處處爲您著想……
上海商業儲蓄銀行
THE SHANGHAI COMMERCIAL & SAVINGS BANK, LTD.

THE SHANGHAI COMMERCIAL & SAVINGS BANK, LTD
DONG NAI BRANCH
CHARGES SCHEDULE - BIỂU PHÍ

Effective from Oct. 05, 2026
Maintained by Dong Nai Branch.

Notes:

1. All conditions as outlined above are applied to normal transactions. Postage, correspondents' charges, out of pocket expenses, if any, are to be added to the above – mentioned charges.
2. These charges schedule are subject to change at the bank's discretion and shall be publicly posted at the bank's transaction offices.
3. Fee can be paid in VND or foreign currencies using the average exchange rate announced by the bank at time of payment.
4. When customers sell foreign currencies through bank transfer or deposit foreign currencies for outward remittance in VND, the foreign currencies will be converted to VND using negotiating rate informed by the Bank on the Transaction date, and the applied fees will base on VND remittance amount.
5. All accounts and transactions are subject to the regulations of the State Bank of Vietnam and the law of the Socialist Republic of Vietnam.
6. These charges schedule exclude Valued Added Tax 10%, unless otherwise stipulated by law.
7. The bank's average exchange rate is the average rate of buying rate and selling rate of VND versus USD quoted on the transaction date.
8. (*) Services provided by the bank are "Subject to agreement" fees as stated in the current Charges Schedule, with pricing based on the specific requirements of each Customer and the associated risks. Please contact your Relationship Manager for more information.

Ghi chú

1. *Biểu phí trên được áp dụng cho các giao dịch thông thường. Điện phí, bưu phí, phí ngân hàng đại lý, các khoản nhỏ chi tiền mặt (nếu có) sẽ được tính vào các phí nêu trên.*
2. *Biểu phí này sẽ được điều chỉnh theo quyết định của ngân hàng và được niêm yết công khai tại các địa điểm giao dịch.*
3. *Phí được tính bằng VND hoặc ngoại tệ tương đương theo tỷ giá trung bình do ngân hàng công bố tại thời điểm thu phí.*
4. *Trường hợp khách hàng bán ngoại tệ chuyển khoản hoặc nộp ngoại tệ mặt để chuyển đi bằng VND, ngoại tệ sẽ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thương lượng được thông báo bởi ngân hàng tại thời điểm giao dịch, và phí chuyển khoản sẽ được tính theo giá trị giao dịch bằng VND.*
5. *Tất cả các tài khoản và giao dịch đều được điều chỉnh theo Quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*
6. *Biểu phí này chưa bao gồm Thuế giá trị gia tăng 10%, trừ trường hợp có quy định khác.*
7. *Tỉ giá trung bình của ngân hàng là tỉ giá trung bình giữa tỉ giá mua và tỉ giá bán của VND so với USD được niêm yết vào ngày giao dịch.*
8. *(*) Các dịch vụ cung cấp bởi ngân hàng có mức phí 'Theo thỏa thuận" nêu tại Biểu phí hiện hành được cung cấp với các mức giá dựa trên yêu cầu của từng đối tượng Khách Hàng và các rủi ro liên quan. Vui lòng liên hệ Giám Đốc Quan hệ Khách hàng để biết thông tin.*